

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN KON RÃY**
Số: 43 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Rãy, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KON RÃY
KHOÁ XV KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về dự thảo Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023; Báo cáo số 506/BC-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Trong năm 2022, huyện Kon Rãy với quyết tâm phát triển kinh tế- xã hội, tạo đà hoàn thành mục tiêu năm 2022 và giai đoạn 2021-2025. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả, nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt kế hoạch đề ra (như thu ngân sách nhà nước tại địa bàn; trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng rừng sản xuất...); phân bổ kịp thời nguồn vốn và huy động, lồng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư, chất lượng ngày được nâng lên; hoạt động tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 được đẩy mạnh và đạt tỷ lệ cao; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện; các loại hình di sản văn hóa truyền thống được gìn giữ và duy trì phát huy hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính được chỉ đạo quyết liệt; công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai nghiêm túc, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo kịp thời, đúng quy định; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng,

an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế đó là: Tình trạng tảo hôn vẫn còn xảy ra. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai thực hiện một số nhiệm vụ còn chậm, chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao.

Nguyên nhân của một số tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền có mặt còn hạn chế, chuyển biến về nhận thức ở một bộ phận người dân còn chậm. Vai trò, trách nhiệm ở một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát, có việc còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của huyện; thực hiện có hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; Kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

2. Chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

2.1. Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất: 1.930 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 37,7 triệu đồng/người/năm.
- Tổng thu ngân sách nhà nước: 340.858 triệu đồng, trong đó: Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn 76.310 triệu đồng.
 - Tổng chi ngân sách địa phương: 340.858 triệu đồng.
 - Tổng vốn đầu tư (ngân sách huyện): 65.103 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 6.588 triệu đồng.
 - + Chi từ nguồn thu sử dụng đất điều tiết ngân sách huyện huy động 440 triệu đồng.
 - + Vốn Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 3.080 triệu đồng.
 - + Vốn Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách 2.500 triệu đồng;
 - + Phân cấp đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (*lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM*) 1.020 triệu đồng.

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán Trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1.800 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 24.314 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 25.361 triệu đồng.

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 12.961 ha. Diện tích cây ăn quả trồng mới 205 ha; cây Mắc ca trồng mới 91 ha; dược liệu trồng mới 47 ha; trồng rừng sản xuất 331 ha.

- Xây dựng thêm 03 sản phẩm đạt 03 sao cấp tỉnh.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 119.358 con.

2.2. Về văn hóa - xã hội và môi trường

- Dân số trung bình: 31.700 người.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,53%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52,7%
- Huy động học sinh đến lớp các cấp học: 9.040 học sinh.
- Bảo đảm chỉ tiêu giường bệnh: 145 giường.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm: 6,6%/năm (theo chuẩn nghèo mới).
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 97,89%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội: 18,8%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 9,5%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo chiều cao xuống còn 19,8%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo cân nặng xuống còn 16,8%.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 85%.
- Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu thôn, làng văn hóa 91,84%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99%.
- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở đạt trên 99%.
- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt trên 99%.

2.3. Về quốc phòng, an ninh: Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%; tỷ lệ xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt từ loại khá trở lên đạt 100%.

2.4. Các chỉ tiêu khác: Tại phụ lục kèm theo, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng có lợi thế và giá trị kinh tế cao; ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi; đưa các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc và chất lượng các loại giống cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả để nhân rộng. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; ưu tiên phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung gắn với bảo vệ môi trường và đi đôi với phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng, phát triển một số sản phẩm chủ lực của huyện, gắn với nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, phấn đấu trong năm có thêm 03 sản phẩm đạt 03 sao cấp tỉnh.

2. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai, chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về ứng phó với thiên tai, chú trọng tại các điểm dân cư sinh sống, sản xuất tại các khu vực ven sông, suối có nguy cơ cao ảnh hưởng, thiệt hại bởi thiên tai cao (*ven sông Đăk BLà, Đăk PNé, Đăk SNghé, Đăk A Kôi...*). Rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung danh mục kêu gọi thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến địa bàn khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án có tiềm năng, lợi thế như: Phát triển điện gió, điện mặt trời, du lịch; trồng rừng, trồng cây công nghiệp...gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

3. Kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiên quyết xử lý hàng giả, hàng lậu, kém chất lượng, bán hàng đa cấp vi phạm pháp luật. Chủ động áp dụng các biện pháp kiểm soát hoạt động tín dụng, xử lý, hạn chế phát sinh nợ xấu ngân hàng; tiếp tục ưu tiên cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh, khu vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp, Hợp tác xã. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, huy động, lòng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn như: Dự án cầu bê tông thôn 12 qua thôn 14 xã Đăk Ruồng; dự án nâng cấp sửa chữa đường ĐH 22; dự án nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruồng (*khu dân cư phía nam*); đồng thời tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư để triển khai dự án đường giao thông Trung tâm thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy (*Khu Thương mại - Giáo dục và Dân cư phía Tây*) gắn với việc thực hiện khai thác quỹ đất mở rộng không gian khu Trung tâm huyện lỵ, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V.

4. Tập trung triển khai các giải pháp để duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí, xã đã đạt chuẩn nông thôn mới qua các năm; phấn đấu trong năm có thêm 04 thôn đạt chuẩn thôn (*làng*) nông thôn mới vùng đồng bào dân

tộc thiểu số; có thêm 02 tiêu chí đạt chuẩn NTM (*01 tiêu chí tại xã Đăk Pne và 01 tiêu chí tại xã Đăk Koi*).

5. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo chỉ tiêu được giao; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật lâm nghiệp.

6. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để các dự án được triển khai đúng tiến độ. Tổ chức thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi; chú trọng các biện pháp thu ngân sách tại địa bàn, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế. Thực hiện nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thời kỳ ổn định giai đoạn 2022-2025.

8. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách an sinh xã hội; lòng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh công tác giảm nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc gắn với triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”. Duy trì các mô hình, dự án về bình đẳng giới; lòng ghép các nhiệm vụ về bình đẳng giới vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động người dân chấp hành các quy định của Pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình; Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...; tranh thủ, đề cao và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, trường thôn, già làng, người có uy tín tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt luật bảo vệ trẻ em, không để xảy ra tình trạng tảo hôn.

9. Thực hiện công tác tuyển sinh vào các cấp học; chuẩn bị cơ sở vật chất cho năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Chú trọng việc huy động học sinh đến lớp, hạn chế tình trạng học sinh đi học không chuyên cần và bỏ học. Đổi mới công tác quản lý trường học, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giảng dạy và trong quản lý của nhà trường. Thực hiện Đề án sáp nhập các đơn vị trường năm 2023 theo lộ trình đã đề ra. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động về vai trò, ý nghĩa của việc học để toàn xã hội, nhất là phụ huynh học sinh thật sự quan tâm đến việc học tập của học sinh, không để học sinh bỏ học.

10. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống các loại dịch bệnh trên người. Tiếp tục triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn huyện năm 2023 theo đúng tiến độ, hướng dẫn của Bộ Y tế, không được chủ quan với dịch COVID-19. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ

cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành y và chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Duy trì mức sinh hợp lý; chủ động theo dõi, phòng, chống, ngăn chặn sự lây lan các dịch bệnh ở người. Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu.

11. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Tuyên truyền, phổ biến và thông tin sâu rộng về ý nghĩa, mục tiêu, nội dung các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến toàn thể người dân trên địa bàn; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “*toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

12. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất, chú trọng công tác tự kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm trong các lĩnh vực; tập trung giải quyết nhanh chóng những bức xúc của Nhân dân, đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng; công khai, minh bạch và thực hiện kiên quyết, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng.

13. Thực hiện tốt kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng Quân sự, Công an vững mạnh nhằm phát hiện, ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá, gây bạo loạn của các thế lực thù địch. Hoàn thành công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập; tổ chức giao quân năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu giao.

14. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm; kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện; đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự huyện theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, các đoàn thể, vận động Nhân dân, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Kon Rẫy Khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận :

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- TT HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Thạch

PHỤ LỤC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
 (Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Kon Rẫy)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2021	Năm 2022		So sánh (%)		KH 2023
				kế hoạch	Ước thực hiện năm 2022	So với cùng kỳ năm 2021	So với Kế hoạch năm 2022	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
1	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng	32,1	34,6	34,95	108,88	101,01	37,7
2	Tổng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	1.542,8	1.687	1.740	112,78	103,14	1.930
-	Nông lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	692,2	740	755	109,07	102,03	827
-	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	429,7	488	512	119,15	104,92	578
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	420,9	459	473	112,38	103,05	525
3	Nông nghiệp							
3,1	Trồng trọt							
a.	Tổng diện tích gieo trồng + cây dược liệu	Ha	12.631,2	12.752	12.793	101,3	100,3	12.961
a1	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	7.206	6.817	6.787	94,2	99,6	6.658
a2	Diện tích gieo trồng cây lâu năm	Ha	5.360,5	5.820	5.867	109,4	100,8	6.163
a3	Diện tích gieo trồng cây dược liệu	Ha	64,7	115	139	214,8	120,9	140
3,2	Phát triển diện tích đất rừng	Ha	499	425	437,1	87,6	102,8	331
3,3	Chăn nuôi		113.507	118.279	120.210	105,9	101,6	119.358
a.	Đàn gia súc	Con	34.342	36.849	36.857	107,3	100	37.460
b.	Đàn gia cầm	Con	79.165	81.430	83.353	105,3	102,4	81.898
3,4	Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản	tấn	182	191	191	104,9	100,0	186
4	Số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới	Tiêu chí	4 (Tiêu chí số 10 về Thu nhập; tiêu chí số 11 về Hộ nghèo xã Đăk Tờ Re; Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất xã Đăk Kô; Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật xã Đăk Kô)	2 (Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá xã Đăk Kô, tiêu chí số 02 về giao thông tại xã Đăk Pne)	2		100,0	2 (tiêu chí nhà ở dân cư xã Đăk Pne và xã Đăk Kô)
5	Sản phẩm OCOP đạt cấp tỉnh	Sản phẩm	4	3	3		100,0	3
6	Thu NSNN tại địa bàn	Triệu đồng	72.793	62.470	106.750	146,6	170,9	76.310
7	Chi đầu tư phát triển	Triệu đồng	27.086	14.931	21.081	77,8	141,2	65.103
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA-XÃ HỘI							
1	Dân số							
-	Dân số có mặt đầu năm	Người	29.905	30.750	30.549	102,2	99,3	31.355
-	Tổng số người tăng trong năm (tăng TN)	Người	462	476	476	103	100	485
-	Dân số có mặt cuối năm	Người	30.549	31.621	31.355	102,6	99,2	32.045
-	Dân số trung bình	Người	30.227	31.186	30.952	102,4	99,2	31.700
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,53	1,53	1,54	100,6	100,5	1,53
2	Giải quyết việc làm, vốn cho vay							
-	Vốn cho vay	Tr.đồng	6.000	6.000	14.815	246,9	246,9	14.900
* Trong đó:								
+	Vốn bù sung trong năm	Tr.đồng	2.300	2.300	12.900	560,9	560,9	12.900
+	Vốn thu hồi	Tr.đồng	3.700	3.700	1.915	51,8	51,8	2.000
3	Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều							

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG HỘI VIỆN
Huyện Kon Rãy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2021	Năm 2022		So sánh (%)		KH 2023
				kế hoạch	Ước thực hiện năm 2022	So với cùng kỳ năm 2021	So với Kế hoạch năm 2022	
-	Tổng số hộ	Hộ	7.378	7.511	7.448	100,9	99,2	7.550
-	Số hộ nghèo	Hộ	1.834	1.372	1.257	68,5	91,6	776
-	Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn nghèo mới)	%	24,86	18,26	16,88	67,9	92,4	10,28
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	46	50	50	108,7	100	52,7
4	Giáo dục và Đào tạo							
1	Học sinh có mặt đầu năm	Học sinh	8.866	8.957	8.957	101	100	9.040
1.1	Giáo dục mầm non	Học sinh	2.379	2.384	2.401	100,9	100,7	2.410
-	Nhà trẻ	Học sinh	281	284	296	105,3	104,2	300
-	Mẫu giáo	Học sinh	2.098	2.100	2.105	100,3	100,2	2.110
1.2	Giáo dục phổ thông	Học sinh	6.414	6.503	6.500	101,3	100	6.574
-	TH	Học sinh	3.681	3.759	3.681	100	97,9	3.703
-	THCS	Học sinh	2.198	2.204	2.266	103,1	102,8	2.270
-	THPT	Học sinh	535	540	553	103,4	102,4	601
1.3	Bổ túc văn hóa	Học sinh	73	70	56	76,7	80	56
5	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi	%						
5.1	Trong độ tuổi đi học mẫu giáo (từ 3-5 tuổi)	%	98	98	98	100	100	98
5.2	Học sinh mẫu giáo 5 tuổi	%	100	100	100	100	100	100
5.3	Học sinh tiểu học	%	100	100	100	100	100	100
5.4	Học sinh THCS	%	98	98	98	100	100	98
5.5	Huy động trẻ trong độ tuổi 6-10 tuổi vào TH	%	100	100	100	100	100	100
5.6	Huy động trẻ 11-14 tuổi vào THCS	%	98	98	98	100	100	98
5.7	Tỷ lệ PCGD tiểu học đúng độ tuổi	%	90	90	90	100	100	90
5.8	Tỷ lệ phổ cập THCS	%	85	85	85	100	100	87
5.9	Tỷ lệ xã được công nhận giáo dục Mầm non 5 tuổi	%	100	100	100	100	100	100
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường	8	9	9	112,5	100	9
5	Y tế							
1	Tổng số giường bệnh	Giường	145	145	145	100	100	145
-	Bệnh viện	Giường	100	100	100	100	100	100
-	Phòng khám khu vực	Giường	15	15	15	100	100	15
-	Trạm Y tế	Giường	30	30	30	100	100	30
2	Tỷ lệ xã có trạm Y tế	%	100	100	100	100	100	100
3	Số giường bệnh/vạn dân	Giường/vạn dân	37,92	36,88	37	100	100	36,28
4	Số bác sĩ/vạn dân	Bs/vạn dân	6,59	6,41	6,46	98	100,7	9,46
5	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	94,21	97,14	97,15	103,1	100	97,89
6	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%	14,3	18,60	18,62	130,2	100,1	18,80
7	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp trong độ tuổi lao động	%	9,2	9,4	9,41	102,3	100,1	9,5
8	Tỷ lệ bao phủ BHXH tự nguyện	%	5,8	8,1	8,12	140	100,2	8,2
9	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo chiều cao xuống còn	%	23,5	21,5	20,5	114,6	104,9	19,8
10	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo cân nặng xuống còn	%	18,7	18,5	17,5	106,9	105,7	16,8
11	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98	99	99	101	100	99
12	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	83,1	84	84	101,1	100	85
13	Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu thôn làng văn hóa	%	87,76	91,84	89,8	102,3	97,8	91,84
15	Tỷ lệ dân tộc thiểu số có đất ở	%	88,06	97,06	99,81	113,3	102,8	99,9
16	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất	%	91,84	97,18	99,58	108,4	102,5	99,6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2021	Năm 2022		So sánh (%)		KH 2023
				kế hoạch	Ước thực hiện năm 2022	So với cùng kỳ năm 2021	So với Kế hoạch năm 2022	
III	QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%	91,3	90	100	109,5	111,1	trên 90%
2	Tỷ lệ xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt từ loại khá trở lên	%	100	100	100	100	100	100
3	Công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ đào tạo chức danh, vị trí việc làm	%	96,1	99,23	100	104,1	100,8	100

